

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15 /2023/HNGĐ-ST

Ngày 07 tháng 03 năm 2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuần

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Trứ

2. Ông Lê Văn Đô

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Hiệp- Thẩm tra viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Lê Đình Duy- Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/03/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 về việc “ *Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ng- Sinh năm 1985 (Có mặt);

Cư trú: thôn Tiên S, xã Phúc S, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T- Sinh năm 1983 (Vắng mặt);

Cư trú: xóm Đầu C, thôn Đồng M, xã Hoàng Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2022, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Ng trình bày: Chị kết hôn cùng anh Nguyễn Văn T ngày 04/11/2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn UBND xã Hoàng Thanh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và sống chung cùng anh Tình ngay, vợ chồng sinh sống và làm việc ở thôn Đồng Minh, xã Hoàng Thanh. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống bình thường hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến hay đánh cãi, chửi nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh Nghĩa, sinh ngày 24/10/2005 hiện con chung đang ở cùng chị Ngọc; cháu Nguyễn Ngọc Lan, sinh ngày 03/6/2007 hiện đang ở anh Tình. Vợ chồng ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh Tình phải cấp dưỡng nuôi con cùng.

Tại phiên tòa chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Lan và giao cháu Nguyễn Minh Nghĩa cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về công nợ chung: Chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về ruộng đất, công sức: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn T tại bản tự khai, biên bản hòa giải trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh kết hôn cùng chị Phạm Thị Ng ngày 04/11/2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn UBND xã Hoàng Thanh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị Ngọc về làm dâu và sống chung cùng anh ngay, vợ chồng sinh sống và làm việc thôn Đồng Minh, xã Hoàng Thanh. Quá trình chung sống, vợ chồng có thời gian đầu sống bình thường hạnh phúc, đến tháng 02 năm 2022 thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, nghi ngờ nhau về tình cảm, vợ chồng có cãi nhau, vợ chồng ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị Ngọc yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn. Trường hợp chị Ngọc kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Ngọc.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh Nghĩa, sinh ngày 24/10/2005 Hiện con chung đang ở cùng chị Ngọc hiện nay cháu đã trưởng thành; cháu Nguyễn Ngọc Lan, sinh ngày 03/6/2007 hiện đang sinh sống cùng anh. Vợ chồng ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc Lan và không yêu cầu chị Ngọc phải cấp dưỡng nuôi con cùng.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về ruộng đất, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Xử:

1, Về quan hệ tình cảm: Chị Phạm Thị Ng được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2, Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Ng được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Lan, sinh ngày 03/6/2007. Giao cho anh Nguyễn Văn T được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Nghĩa, sinh ngày 24/10/2005;

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

3, Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4, Về công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

5, Về án phí: Chị Ngọc phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Ngọc đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với đương sự nêu trên là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]- Về quan hệ tình cảm: chị Phạm Thị Ng và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 04/11/2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng Thanh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của các đương sự thì xác định được trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2022 không còn quan hệ tình cảm, không còn chung sống với nhau. Chị Ngọc yêu cầu ly hôn, anh Tình không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Ngọc. Xét thấy anh Tình và chị Ngọc đã ly thân với nhau từ tháng 02/2022 cho đến nay, chị Ngọc đã chuyển ra ngoài sinh sống, bản thân anh Tình cũng xác định trường hợp nếu chị Ngọc kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn, xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Ngọc về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh Nghĩa, sinh ngày 24/10/2005. Hiện con chung đang ở cùng chị Ngọc; cháu Nguyễn Ngọc Lan, sinh ngày 03/6/2007 hiện đang sinh sống cùng anh Tình. Vợ chồng ly hôn chị Ngọc đề nghị được nuôi dưỡng cháu Ngọc Lan và đề nghị giao cháu Minh Nghĩa cho anh Tình nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Tình phải cấp dưỡng nuôi con cùng.

Anh Tình có nguyện vọng xin được nuôi cháu Nguyễn Ngọc Lan và không yêu cầu chị Ngọc phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của các đương sự HĐXX nhận thấy: Cháu Lan tuy hiện đang sinh sống cùng bố là anh Nguyễn Văn T và đang được đi học tại trường Hiệp Hòa số 4. Tuy nhiên cháu có nguyện vọng được ở với mẹ sau ly hôn. Cháu Nguyễn Minh Nghĩa hiện đang sinh sống cùng chị Ngọc nhưng lại có nguyện vọng xin được ở với bố là anh Nguyễn Văn T. Tại phiên tòa chị Ngọc đề nghị xin được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Lan và giao cháu Nguyễn Minh Nghĩa cho anh Tình nuôi dưỡng.

HĐXX nhận thấy cháu Nguyễn Ngọc Lan là nữ giới, đang trong độ tuổi phát triển về tâm, sinh lý, cần sự chăm sóc, chia sẻ của người mẹ. Cháu Nghĩa có nguyện vọng sinh sống cùng bố là anh Tình. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung, cần giao cháu Nguyễn Ngọc Lan cho chị Phạm Thị Ng nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Minh Nghĩa cho anh Tình nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của con chung và của đương sự, phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do cả chị Ngọc và anh Tình không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]- Về tài sản chung: công nợ chung; ruộng đất, công sức: Cả chị Ngọc và anh Tình đều xác định không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]- Về án phí: Chị Phạm Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Xứ:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Phạm Thị Ng được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Ng được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Lan, sinh ngày 03/6/2007 và giao cho anh Nguyễn Văn T được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Minh Nghĩa, sinh ngày 24/10/2005.

Về cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Ngọc đã nộp theo biên lai thu số 0012202, ngày 04/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt, hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9- Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Hoàng Thanh;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thanh Thuần

